

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 615/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 05/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 26&27/9/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT05	Vô Thị Chinh	27/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	DBG003978	CNTT/20/4008	Đạt	
2	CNTT06	Ngô Mạnh Cường	28/11/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	9,0	7,0	DBG003979	CNTT/20/4009	Đạt	
3	CNTT07	Vì Thị Duyên	05/01/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003980	CNTT/20/4010	Đạt	
4	CNTT11	Lê Thị Hạnh	02/05/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003981	CNTT/20/4011	Đạt	
5	CNTT12	Dương Thị Hiền	08/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003982	CNTT/20/4012	Đạt	
6	CNTT13	Giáp Thị Hiền	20/11/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003983	CNTT/20/4013	Đạt	
7	CNTT14	Lương Thị Bích Hiền	07/07/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003984	CNTT/20/4014	Đạt	
8	CNTT16	Dương Thị Huệ	27/09/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003985	CNTT/20/4015	Đạt	
9	CNTT17	Nguyễn Thị Huệ	21/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003986	CNTT/20/4016	Đạt	
10	CNTT19	Nguyễn Thị Huyền	02/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003987	CNTT/20/4017	Đạt	
11	CNTT20	Nguyễn Thị Hương	24/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003988	CNTT/20/4018	Đạt	
12	CNTT21	Nguyễn Thị Hương	07/07/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003989	CNTT/20/4019	Đạt	
13	CNTT25	Nguyễn Thị Lành	23/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003990	CNTT/20/4020	Đạt	
14	CNTT27	Trương Thị Thanh	11/08/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003991	CNTT/20/4021	Đạt	
15	CNTT28	Nguyễn Thị Hồng Thắm	20/11/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003992	CNTT/20/4022	Đạt	
16	CNTT32	Thân Văn Tú	23/09/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	DBG003993	CNTT/20/4023	Đạt	
17	CNTT33	Đỗ Anh Tuấn	05/12/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	DBG003994	CNTT/20/4024	Đạt	
18	CNTT34	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	31/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003995	CNTT/20/4025	Đạt	
19	CNTT35	Đỗ Thị Vân	26/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003996	CNTT/20/4026	Đạt	
20	CNTT36	Hứa Ngọc Ánh	02/12/1974	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	7,0	DBG003997	CNTT/20/4027	Đạt	
21	CNTT38	Hoàng Thị Ban	29/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	DBG003998	CNTT/20/4028	Đạt	
22	CNTT39	Nguyễn Thị Chinh	28/12/1977	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	DBG003999	CNTT/20/4029	Đạt	
23	CNTT40	Hoàng Văn Chính	29/03/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	DBG004000	CNTT/20/4030	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT41	Hoàng Thị	Dung	01/07/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	DBG004001	CNTT/20/4031	Đạt	
25	CNTT42	Nông Ngọc	Dũng	21/03/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	DBG004002	CNTT/20/4032	Đạt	
26	CNTT43	Hà Thị	Đàm	29/06/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	DBG004003	CNTT/20/4033	Đạt	
27	CNTT44	Triệu Quang	Đình	08/04/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	DBG004004	CNTT/20/4034	Đạt	
28	CNTT45	Mỗ Văn	Định	25/09/1976	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	DBG004005	CNTT/20/4035	Đạt	
29	CNTT46	Hoàng Thành	Đông	18/01/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	DBG004006	CNTT/20/4036	Đạt	
30	CNTT47	Ma Văn	Đức	30/04/1980	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	7,0	DBG004007	CNTT/20/4037	Đạt	
31	CNTT48	Đinh Thị	Giáng	24/04/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	DBG004008	CNTT/20/4038	Đạt	
32	CNTT49	Trần Thị	Hà	07/06/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	DBG004009	CNTT/20/4039	Đạt	
33	CNTT50	Trương Thị	Hạnh	12/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	7,0	DBG004010	CNTT/20/4040	Đạt	
34	CNTT51	Hoàng Kim	Hiền	23/10/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	DBG004011	CNTT/20/4041	Đạt	
35	CNTT52	Dương Ngọc	Hiền	01/09/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	DBG004012	CNTT/20/4042	Đạt	
36	CNTT53	Nông Thị	Hoa	21/09/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	DBG004013	CNTT/20/4043	Đạt	
37	CNTT54	Lương Thị	Hoài	07/09/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	DBG004014	CNTT/20/4044	Đạt	
38	CNTT55	Mông Quốc	Hoàn	12/09/1983	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	7,5	DBG004015	CNTT/20/4045	Đạt	
39	CNTT56	Hoàng Văn	Hội	02/06/1970	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	DBG004016	CNTT/20/4046	Đạt	
40	CNTT57	Nông Thị	Hồng	12/10/1968	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	DBG004017	CNTT/20/4047	Đạt	
41	CNTT58	Hoàng Kim	Huệ	16/01/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	DBG004018	CNTT/20/4048	Đạt	
42	CNTT59	Nguyễn Văn	Huy	13/11/1978	Ninh Bình	Nam	Kinh	6,5	7,0	DBG004019	CNTT/20/4049	Đạt	
43	CNTT60	Hoàng Văn	Huỳnh	05/12/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	DBG004020	CNTT/20/4050	Đạt	
44	CNTT61	Vì Văn	Khoa	23/12/1992	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,0	DBG004021	CNTT/20/4051	Đạt	
45	CNTT62	Lê Thị	Lan	27/11/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	DBG004022	CNTT/20/4052	Đạt	
46	CNTT63	Mỗ Thùy	Liên	19/10/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	DBG004023	CNTT/20/4053	Đạt	
47	CNTT64	Triệu Văn	Liên	20/08/1993	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	7,0	DBG004024	CNTT/20/4054	Đạt	
48	CNTT65	Đặng Tăng	Lộc	23/06/1995	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,5	6,0	DBG004025	CNTT/20/4055	Đạt	
49	CNTT66	Lý Thị	Lượng	21/03/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	DBG004026	CNTT/20/4056	Đạt	
50	CNTT67	Nguyễn Thị	Lưu	14/04/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	DBG004027	CNTT/20/4057	Đạt	
51	CNTT68	Hoàng Thị	Mai	21/10/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	DBG004028	CNTT/20/4058	Đạt	
52	CNTT69	Nông Thị	Mai	28/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	DBG004029	CNTT/20/4059	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
53	CNTT70	Lô Thị Mần	08/09/1987	Bắc Kạn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	DBG004030	CNTT/20/4060	Đạt	
54	CNTT73	Hoàng Văn Nhâm	01/02/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	DBG004031	CNTT/20/4061	Đạt	
55	CNTT74	Hà Thị Ly	03/06/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	DBG004032	CNTT/20/4062	Đạt	
56	CNTT75	Nông Quý Phong	01/02/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	DBG004033	CNTT/20/4063	Đạt	
57	CNTT76	Vũ Thế Phương	27/10/1976	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,5	DBG004034	CNTT/20/4064	Đạt	
58	CNTT77	Hoàng Văn Quyên	03/10/1978	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	DBG004035	CNTT/20/4065	Đạt	
59	CNTT78	Hoàng Thị Sen	12/09/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	DBG004036	CNTT/20/4066	Đạt	
60	CNTT79	Hoàng Thị Sự	25/05/1969	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,0	DBG004037	CNTT/20/4067	Đạt	
61	CNTT80	Nguyễn Văn Tăng	11/09/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	DBG004038	CNTT/20/4068	Đạt	
62	CNTT81	Trần Bích Thiêm	03/04/1978	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,5	DBG004039	CNTT/20/4069	Đạt	
63	CNTT82	Lý Thị Thiệp	18/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	DBG004040	CNTT/20/4070	Đạt	
64	CNTT83	Lăng Văn Thiệu	30/07/1991	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,0	DBG004041	CNTT/20/4071	Đạt	
65	CNTT84	Hoàng Thị Thoi	29/01/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	DBG004042	CNTT/20/4072	Đạt	
66	CNTT86	Đỗ Huyền Thương	17/12/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	DBG004043	CNTT/20/4073	Đạt	
67	CNTT88	Hoàng Thị Trang	01/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	DBG004044	CNTT/20/4074	Đạt	
68	CNTT90	Lý Văn Trường	13/12/1984	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	DBG004045	CNTT/20/4075	Đạt	
69	CNTT91	Tô Văn Tuấn	11/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	DBG004046	CNTT/20/4076	Đạt	
70	CNTT92	Hoàng Thị Tuyết	29/07/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	DBG004047	CNTT/20/4077	Đạt	
71	CNTT93	Vì Thị Tuyết	17/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	DBG004048	CNTT/20/4078	Đạt	
72	CNTT94	Nguyễn Tuấn Uy	21/07/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	DBG004049	CNTT/20/4079	Đạt	
73	CNTT95	Hoàng Thị Vành	02/07/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	DBG004050	CNTT/20/4080	Đạt	
74	CNTT96	Hoàng Thị Xiêm	04/07/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	DBG004051	CNTT/20/4081	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

74

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 05 tháng 10 năm 2020

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang